

Số: /NQ - HĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs) năm 2025
ở Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỞNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4372/QĐ-ĐHQGHN ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc công nhận Hội đồng Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội nhiệm kỳ 2022-2027;

Căn cứ Công văn số 5351/ĐHQGHN-KHTC ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc xây dựng và phân bổ chỉ tiêu kế hoạch (KPIs) năm 2025 của ĐHQGHN và các đơn vị thành viên, trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 1953/QĐ-ĐHQGHN ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành chỉ tiêu kế hoạch (KPIs) năm 2025 của Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 2286/NQ-HĐT ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc ban hành Quy định tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN;

Căn cứ ý kiến và kết quả biểu quyết của các thành viên Hội đồng trường.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs) năm 2025 ở Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. (Có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng trường giao Hiệu trưởng chỉ đạo các tập thể và cá nhân liên quan xây dựng các kế hoạch, giải pháp cụ thể để triển khai thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs) năm 2025.

Điều 3. Hội đồng trường giao Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện điều chỉnh các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs) năm 2025, báo cáo Thường trực Hội đồng trường để phê duyệt thực hiện.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 350/NQ-HĐT ngày 14 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả (KPIs) năm 2025 ở Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

Điều 5. Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các đơn vị, tổ chức đoàn thể quần chúng trong Trường và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- ĐHQGTHN (để b/c);
- Như Điều 5;
- Lưu: VP.ĐĐT, N01.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

Đỗ Tuấn Minh

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ (KPIS) NĂM 2025
Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐHQGHN
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐT ngày / /2025
của Hội đồng trường Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu (điều chỉnh)	Ghi chú (Chỉ tiêu cũ)
1	Chỉ tiêu Đại học chính quy	Người	2,400	2,250
2	Chỉ tiêu tuyển sinh Bằng kép	Người	350	
3	Chỉ tiêu tuyển sinh ĐH LKQT	Người	350	
4	Chỉ tiêu VB2 VLVH	Người	650	420
5	Chỉ tiêu tuyển sinh NCS	Người	40	20
6	Chỉ tiêu tuyển sinh HVCH	Người	400	180
7	Chỉ tiêu tuyển sinh HVCH LKQT	Người	100	80
8	Chỉ tiêu tuyển sinh THCS	Người	150	
9	Chỉ tiêu tuyển sinh THPT	Người	630	
10	Các khoá Nghiệp vụ sư phạm ngoại ngữ	Người	300	
11	Số giáo trình được xuất bản	Cuốn	5	
12	Số học phần được tổ chức theo hình thức kết hợp (70 HP bậc ĐH và 30 HP bậc SDH)	Học phần	100	
13	Số giảng viên ULIS được cấp giấy chứng nhận giám khảo bài thi VSTEP	Người	20	
14	Số giảng viên ULIS được cấp giấy chứng nhận ra đề thi- bài thi VSTEP	Người	10	
15	Số giảng viên ULIS được cấp giấy chứng nhận giám khảo bài thi VNU-Tests	Người	30	
16	Số giảng viên ULIS được cấp GCN về phân tích kết quả bài thi	Người	20	
17	Số lượng đề thi VNU-Tests (đối với tiếng Anh và các ngoại ngữ khác)	Đề thi	80	
18	Số lượng đề thi HSA - Phần tiếng Anh	Đề thi	50	
19	Tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ khảo thí cho đối tượng ngoài trường	Khoá	3	
20	Số bài báo quốc tế Wos/S	Bài	193	25

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu (điều chỉnh)	Ghi chú (Chỉ tiêu cũ)
21	Số đơn đăng ký SHTT, giải pháp hữu ích, sáng chế được chấp nhận hợp lệ (hồ sơ)	Đơn	2	
22	Số nhóm nghiên cứu mạnh cấp Trường được thành lập	Nhóm	2	
23	Xuất bản sách chuyên khảo (tiếng Việt, tiếng nước ngoài)	Cuốn	6	
24	Số dự án hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học	Dự án	6	
25	Số đề tài KHCN hợp tác với địa phương	Đề tài	1	
26	Tỷ lệ sinh viên tham gia các hoạt động của Đề án trong năm học 2024-2025	%	90	
27	Tỷ lệ sinh viên có các sản phẩm thể hiện hoạt động ĐMST, NCKH và KN trong năm học 2024-2025	%	85	
28	Tỷ lệ sinh viên có các sản phẩm tham gia hội thi, diễn đàn, hội nghị về ĐMST, NCKH và KN các cấp	%	35	
29	Tỷ lệ sinh viên có sản phẩm khoa học, ý tưởng sáng tạo, khởi nghiệp được lựa chọn vào Ngân hàng dự án tiềm năng	%	10	
30	Số ý tưởng sáng tạo, đề tài khoa học, dự án khởi nghiệp được triển khai thực tế và cho ra sản phẩm có ích cho xã hội hoặc được công bố	Ý tưởng/ Đề tài/ Dự án	10	
31	Số hoạt động được tổ chức bởi kênh hỗ trợ giáo dục ngoại ngữ phổ thông (ULIS CONNECT) bậc THCS và bậc THPT (06 tiếng Anh THCS; 06 tiếng Anh THPT; 06 các ngoại ngữ khác)	Số hoạt động	18	
32	Tỷ lệ giữ chân người học (ĐHCQ, SDH, VB2, LKQT)	%	95	
33	Tỷ lệ sinh viên có việc làm trong quá trình học tập tại trường	%	50	
34	Tỷ lệ gia tăng học bổng ngoài ngân sách (so với năm 2024)	%	5	
35	Tỷ lệ sinh viên LKQT đạt yêu cầu đầu vào về năng lực tiếng sau 01 năm	%	70	
36	Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên (Dựa trên số lượng người học được khảo sát)	%	95	
37	Tỷ lệ sinh viên LKQT, VB2 tốt nghiệp đúng hạn	%	90	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu (điều chỉnh)	Ghi chú (Chỉ tiêu cũ)
38	Tỷ lệ sinh viên QH.2021 tốt nghiệp đúng hạn (Sau 4 năm)	%	80	
39	Tỷ lệ HVCH/NCS tốt nghiệp đúng hạn	%	60	
40	Tỷ lệ học viên sau đại học có công bố khoa học	%	95	
41	Số lượng học sinh, sinh viên đi học tập và trao đổi ở nước ngoài	Người	200	
42	Giảng viên quốc tế	Người	70	VNU bổ sung
43	Số lượng giảng viên đi học nghiên cứu sinh	Người	60	
44	Số lượng giảng viên hoàn thành học vị tiến sĩ	Người	10	
45	Giảng viên đạt chức danh GS, PGS	Người	2	
46	Thu hút giảng viên ngoài trường có chức danh GS, PGS, học vị tiến sĩ	Người	2	
47	Thu hút nhà khoa học xuất sắc ngoài ĐHQGHN	Người	3	VNU bổ sung
48	Thu hút nhà khoa học quốc tế	Người	1	VNU bổ sung
49	Tham gia khóa học đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho cán bộ khoa học	Người	10	VNU bổ sung
50	Hoàn thành việc đánh giá năng lực chuyển đổi số ở 3 nhóm đối tượng (1. giảng viên / giáo viên phổ thông; 2. chuyên viên; 3. lãnh đạo/quản lý)	%	100	
51	Xây dựng cơ chế trả lương gắn với vị trí việc làm và hiệu suất công việc	Đề án	1	
52	Xếp hạng quốc tế theo lĩnh vực	Lĩnh vực	1	VNU bổ sung
53	Hoàn thành KĐCL 01 CTĐT Đại học (Ngôn ngữ Anh) và 03 CTĐT Sau đại học (Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, LL và PPGD Bộ môn Tiếng Trung)	CTĐT	4	
54	Số lượng học giả quốc tế phản hồi về xếp hạng đại học lĩnh vực ngôn ngữ hiện đại (Modern languages)	Người	30	
55	Số lượng nhà tuyển dụng phản hồi về xếp hạng đại học lĩnh vực ngôn ngữ hiện đại (Modern languages)	Doanh nghiệp	60	
56	Nguồn thu từ hoạt động hợp tác đào tạo, bồi dưỡng và chuyển giao tri thức	%	10	
57	Trích nguồn thu học phí cho hoạt động KHCN&ĐMST (Nghị định số 109/2022/NĐ-CP)	%	8	VNU bổ sung

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Chỉ tiêu (điều chỉnh)	Ghi chú (Chỉ tiêu cũ)
58	Tỷ lệ nguồn thu KH&CN ngoài ngân sách do ĐHQGHN cấp/Tổng thu KH&CN	%	10	VNU bổ sung
59	Tỷ lệ nguồn thu KH&CN ngoài ngân sách nhà nước /Tổng thu KH&CN	%	10	VNU bổ sung
60	Tăng tỷ lệ thu sự nghiệp tối thiểu	%	15	VNU bổ sung
61	Hoàn thành đề án đổi mới cơ chế tổ chức và hoạt động của THCS Ngoại ngữ	Đề án	1	
62	Xuất bản số đặc biệt kỷ niệm 70 năm thành lập Khoa NN&VH Nga và Khoa NN&VH Trung Quốc	Số	2	
63	Hoàn thành cải tạo giảng đường nhà B3 và lắp đặt thang máy giảng đường nhà A2	%	100	
64	Cập nhật đầy đủ dữ liệu lên hệ thống Cơ sở dữ liệu đại học HEMIS của Bộ GD-ĐT	Tần suất	01 lần/Quý	
65	Trích lập các quỹ và sử dụng kinh phí theo quy định	%	100	VNU bổ sung

Tổng số 65 KPIs ./.